

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 19&20/09/2020

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị An	Nữ	14/10/1997	Nghệ An	6.0	7.5	96/QĐ187	110746	
2	Nguyễn Thủy Hương	Nữ	17/11/1977	Nghệ An	6.3	5.5	97/QĐ187	110747	
3	Trần Anh Hào	Nam	22/11/1996	Nghệ An	7.0	8.0	98/QĐ187	110748	
4	Võ Thị Hoa	Nữ	22/01/1985	Nghệ An	5.0	6.0	99/QĐ187	110749	
5	Võ Thị Hương	Nữ	05/12/1985	Nghệ An	6.3	6.0	100/QĐ187	110750	
6	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	05/09/1988	Nghệ An	6.0	5.0	101/QĐ187	110751	
7	Lê Khánh Huyền	Nữ	07/01/1998	Nghệ An	6.7	9.0	102/QĐ187	110752	
8	Ngô Thị Thu Thùy	Nữ	30/03/1985	Nghệ An	5.0	8.0	103/QĐ187	110753	
9	Võ Thị Thủy	Nữ	15/07/1985	Nghệ An	6.0	8.0	104/QĐ187	110754	
10	Lê Thị Trang	Nữ	14/01/1998	Nghệ An	6.7	8.5	105/QĐ187	110755	
11	Lê Cảnh Trường	Nam	28/01/1999	Nghệ An	6.5	6.0	106/QĐ187	110756	
12	Nguyễn Văn Trường	Nam	19/05/1986	Nghệ An	5.0	6.0	107/QĐ187	110757	
13	Vì Văn Tư	Nam	13/10/1996	Nghệ An	5.0	8.5	108/QĐ187	110758	
14	Trương Thị Hồng Bảo	Nữ	27/03/1998	Nghệ An	6.0	9.0	109/QĐ187	110759	
15	Trần Sỹ Cẩn	Nam	16/09/1968	Hà Tĩnh	6.3	6.5	110/QĐ187	110760	
16	Hà Thanh Đồng	Nam	02/04/1973	Hà Tĩnh	6.0	8.0	111/QĐ187	110761	
17	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	01/08/1988	Nghệ An	6.0	9.0	112/QĐ187	110762	
18	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	19/05/1974	Hà Tĩnh	5.0	6.5	113/QĐ187	110763	
19	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	Nữ	15/04/1985	Hà Tĩnh	6.3	6.0	114/QĐ187	110764	
20	Nguyễn Thị Hà	Nữ	02/10/1972	Hà Tĩnh	5.0	7.0	115/QĐ187	110765	
21	Phạm Quốc Hà	Nam	09/10/1980	Nghệ An	5.7	7.0	116/QĐ187	110766	
22	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	20/12/1985	Nghệ An	5.3	6.5	117/QĐ187	110767	
23	Nguyễn Văn Hoài	Nam	01/01/1970	Hà Tĩnh	5.0	9.0	118/QĐ187	110768	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
24	Nguyễn Duy Hùng	Nam	02/09/1966	Nghệ An	6.3	8.5	119/QĐ187	110769	
25	Nguyễn Thị Lý	Nữ	10/08/1978	Nghệ An	5.0	7.0	120/QĐ187	110770	
26	Đặng Thị Minh	Nữ	22/12/1967	Nghệ An	5.0	7.5	121/QĐ187	110771	
27	Hoàng Thị Nga	Nữ	15/10/1984	Nghệ An	6.0	6.5	122/QĐ187	110772	
28	Võ Thị Hồng Nhung	Nữ	29/10/1980	Quảng Bình	6.0	6.5	123/QĐ187	110773	
29	Mai Hồng Nhung	Nam	19/05/2001	Thanh Hóa	5.0	8.0	124/QĐ187	110774	
30	Lê Thị Oanh	Nữ	01/10/1979	Nghệ An	5.0	7.0	125/QĐ187	110775	
31	Ngô Tuệ Quân	Nữ	04/10/1997	Nghệ An	7.0	8.5	126/QĐ187	110776	
32	Nguyễn Văn Sáng	Nam	10/07/1962	Nghệ An	5.7	8.0	127/QĐ187	110777	
33	Phạm Hồng Sơn	Nam	06/05/1976	Nghệ An	5.3	8.0	128/QĐ187	110778	
34	Võ Thị Thắm	Nữ	10/10/1989	Hà Tĩnh	5.0	8.0	129/QĐ187	110779	
35	Nguyễn Văn Thỏa	Nam	06/11/1969	Hà Tĩnh	5.3	7.0	130/QĐ187	110780	
36	Chế Thị Ngọc Trâm	Nữ	04/08/1974	Nghệ An	5.0	7.5	131/QĐ187	110781	
37	Trần Xuân Trường	Nam	02/01/1965	Hà Tĩnh	6.0	7.0	132/QĐ187	110782	
38	Nguyễn Quý Tường	Nam	30/09/1973	Nghệ An	5.0	7.0	133/QĐ187	110783	
39	Vương Thị Thúy Vân	Nữ	16/05/1991	Nghệ An	7.0	8.5	134/QĐ187	110784	